

Số: 35/2021/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 20 tháng 10 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Quy định mức độ khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất đối với từng loại vi phạm theo quy định tại Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Sơn La

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 675/TTr-STNMT ngày 21 tháng 9 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về mức độ khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất đối với từng loại vi phạm quy định tại Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 11 năm 2021. ✓

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và các hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /, x✓

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- TT Tỉnh ủy (b/c);
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL Bộ Tư pháp;
- Như Điều 3;
- Trung tâm thông tin tỉnh;
- Lưu: VT - Hiệu 20 bản.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



[Handwritten signature]

Hoàng Quốc Khánh

QUY ĐỊNH

Mức độ khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất đối với từng loại vi phạm theo quy định tại Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Sơn La

(Kèm theo Quyết định số 35/2021/QĐ-UBND ngày 20 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định mức độ khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất đối với từng loại vi phạm hành chính về đất đai tại các Điều 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16 của Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đối tượng bị xử phạt vi phạm hành chính
 - a) Hộ gia đình, cộng đồng dân cư, cá nhân trong nước, cá nhân nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài.
 - b) Tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, cơ sở tôn giáo.
2. Cơ quan, người có thẩm quyền, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc xử phạt hành chính theo quy định tại khoản 2, Điều 2 của Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 3. Tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm

Tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm được xác định như sau:

1. Theo giấy tờ về quyền sử dụng đất hợp pháp, hồ sơ địa chính qua các thời kỳ.
2. Đối với các địa phương chưa hoàn thiện hệ thống hồ sơ địa chính thì căn cứ vào các thông tin, tài liệu có liên quan như: ảnh chụp, ảnh vệ tinh, ảnh viễn thám; các thông tin, bằng chứng do người dân nơi có đất, người sử dụng đất liền kề, tổ chức, cá nhân khác cung cấp.
3. Kết quả khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm được đại diện Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây viết tắt là Ủy ban nhân dân cấp xã) nơi có đất kiểm tra, xác nhận bằng văn bản.

Chương II
MỨC ĐỘ KHÔI PHỤC LẠI TÌNH TRẠNG BAN ĐẦU CỦA ĐẤT
ĐỐI VỚI TỪNG LOẠI VI PHẠM HÀNH CHÍNH QUY ĐỊNH TẠI
NGHỊ ĐỊNH SỐ 91/2019/NĐ-CP NGÀY 19/11/2019 CỦA CHÍNH PHỦ
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SƠN LA

Điều 4. Mức độ khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm đối với hành vi chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa; đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất; đất nông nghiệp không phải là đất trồng lúa, không phải là đất rừng phòng hộ, không phải là đất rừng đặc dụng, không phải là đất rừng sản xuất; đất phi nông nghiệp sang mục đích khác không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép (từ Điều 9 đến Điều 12 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ)

1. Mức độ khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm đối với hành vi chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa vào mục đích khác không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép theo quy định tại điểm a và điểm d, khoản 1 Điều 57 của Luật Đất đai.

Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm, buộc thực hiện di dời tài sản trên đất vi phạm và thực hiện cải tạo, phục hồi lại mặt bằng tương đương với thửa đất ban đầu trước khi vi phạm hoặc các thửa đất trồng lúa liền kề để sử dụng vào mục đích trồng lúa.

2. Mức độ khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm đối với hành vi chuyển mục đích đất rừng sản xuất, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ vào mục đích khác không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép theo quy định tại các điểm c và điểm d, khoản 1 Điều 57 của Luật Đất đai.

a) Chuyển đất rừng sản xuất sang mục đích khác trong nhóm đất nông nghiệp thì buộc trồng lại rừng theo mô hình nông lâm kết hợp. Trong trường hợp buộc phải trồng rừng thay thế thì loại cây trồng đối với rừng trồng do UBND cấp xã phối hợp với cơ quan chuyên môn của UBND huyện, thành phố chỉ định phù hợp với điều kiện tự nhiên của địa phương. Việc trồng rừng tuân thủ theo quy định tại Điều 12 Thông tư số 29/2018/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định các biện pháp lâm sinh.

b) Chuyển đất rừng sản xuất sang đất phi nông nghiệp thì buộc tháo dỡ các công trình xây dựng trên đất và cải tạo đất để sử dụng vào mục đích trước khi vi phạm. Buộc phải trồng rừng thay thế, loại cây trồng đối với rừng trồng do UBND cấp xã phối hợp với cơ quan chuyên môn của UBND huyện, thành phố chỉ định phù hợp với điều kiện tự nhiên của địa phương. Việc trồng rừng tuân thủ theo quy định tại Điều 12 Thông tư số 29/2018/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định các biện pháp lâm sinh.

c) Chuyển đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng sang mục đích khác thì buộc phải tháo dỡ các công trình xây dựng trên đất và cải tạo đất để sử dụng vào mục

đích trước khi vi phạm. Buộc phải trồng rừng thay thế, loại cây trồng đối với rừng trồng do UBND cấp xã phối hợp với cơ quan chuyên môn của UBND huyện, thành phố chỉ định phù hợp với điều kiện tự nhiên của địa phương. Việc trồng rừng tuân thủ theo quy định tại Điều 12 Thông tư số 29/2018/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định các biện pháp lâm sinh.

3. Mức độ khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm đối với hành vi chuyển mục đích đất nông nghiệp không phải là đất trồng lúa, không phải là đất rừng phòng hộ, không phải là đất rừng đặc dụng, không phải là đất rừng sản xuất theo quy định tại các điểm b và điểm d, khoản 1 Điều 57 của Luật Đất đai.

Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm, buộc thực hiện di dời tài sản trên diện tích đất vi phạm và thực hiện cải tạo, phục hồi lại mặt bằng tương đương với thửa đất ban đầu trước khi vi phạm hoặc các thửa đất liền kề có cùng mục đích để sử dụng vào mục đích trước khi vi phạm.

4. Mức độ khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm đối với hành vi chuyển mục đích đất phi nông nghiệp sang mục đích khác không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép theo quy định tại điểm đ, điểm e và điểm g, khoản 1 Điều 57 của Luật Đất đai.

Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm, buộc thực hiện di dời tài sản trên diện tích đất vi phạm và thực hiện cải tạo, phục hồi lại mặt bằng tương đương với thửa đất ban đầu trước khi vi phạm hoặc các thửa đất liền kề có cùng mục đích để sử dụng vào mục đích trước khi vi phạm.

5. UBND cấp xã có trách nhiệm xác nhận bằng văn bản tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm đối với các khoản 1, 2, 3, 4 Điều này.

Điều 5. Mức độ khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm đối với hành vi chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa (Điều 13 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ)

Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa vi phạm điều kiện quy định tại khoản 1, Điều 4 của Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa (được sửa đổi bổ sung tại khoản 1, Điều 1 của Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa) thì đối tượng vi phạm phải khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất để tiếp tục trồng lúa. Buộc di dời hoặc phá bỏ cây trồng không đúng cơ cấu và thực hiện cải tạo, phục hồi lại mặt bằng tương đương với thửa đất ban đầu trước khi vi phạm hoặc các thửa đất trồng lúa liền kề để sử dụng vào mục đích trồng lúa. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm xác nhận bằng văn bản tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm. ✓

Điều 6. Mức độ khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm đối với hành vi lấn, chiếm đất (Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ)

Đối với diện tích đất lấn, chiếm thì buộc người vi phạm phải tháo dỡ công trình, di dời tài sản trên đất và thực hiện cải tạo, phục hồi lại mặt bằng tương đương với thửa đất ban đầu trước khi vi phạm hoặc các thửa đất liền kề có cùng mục đích để sử dụng vào mục đích trước khi vi phạm; Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm kiểm tra, xác nhận bằng văn bản đối với quy định tại Điều này.

Điều 7. Mức độ khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm đối với hành vi hủy hoại đất (Điều 15 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ)

1. Trường hợp làm biến dạng địa hình trong trường hợp hạ thấp bề mặt đất do lấy đất, đá dùng vào việc khác hoặc làm cho bề mặt đất thấp hơn so với thửa đất liền kề thì buộc phải thực hiện san lấp, khôi phục độ cao ban đầu của đất hoặc bằng thửa đất liền kề và thực hiện cải tạo đất để sử dụng vào mục đích trước khi vi phạm.

2. Trường hợp làm biến dạng địa hình trong trường hợp san lấp đất có mặt nước chuyên dùng, kênh, mương tưới, tiêu nước hoặc san lấp nâng cao bề mặt của đất nông nghiệp so với các thửa đất liền kề thì buộc phải thực hiện thu hồi vật liệu đã san lấp, trả lại hiện trạng ban đầu đối với đất có mặt nước chuyên dùng, kênh, mương tưới, tiêu nước; buộc phải hạ thấp, trả lại mặt bằng ban đầu hoặc bằng các thửa đất liền kề và cải tạo đất để sử dụng vào mục đích trước khi vi phạm.

3. Trường hợp làm suy giảm chất lượng đất; làm mất hoặc giảm độ dày tầng đất đang canh tác; làm thay đổi lớp mặt của đất sản xuất nông nghiệp bằng các loại vật liệu, chất thải hoặc đất lầy sỏi, đá hay loại đất có thành phần khác với loại đất đang sử dụng... thì buộc thu hồi toàn bộ các loại vật liệu, chất thải hoặc đất lầy sỏi, đá hay loại đất có thành phần khác đã đưa vào bề mặt đất, thực hiện cải tạo đất tương đương với thửa đất ban đầu hoặc các thửa đất liền kề có cùng mục đích sử dụng.

4. Trường hợp làm suy giảm chất lượng đất trong các trường hợp gây xói mòn, rửa trôi đất nông nghiệp thì buộc phải thực hiện các biện pháp chống xói mòn, rửa trôi và san lấp, cải tạo đất tương đương với thửa đất ban đầu hoặc các thửa đất liền kề có cùng mục đích sử dụng.

5. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm xác nhận bằng văn bản tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm đối với khoản 1, 2, 3, 4 Điều này.

Điều 8. Mức độ khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm đối với hành vi gây cản trở hoặc thiệt hại cho việc sử dụng đất của người khác (Điều 16 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ)

Buộc thu hồi toàn bộ vật liệu xây dựng, chất thải, chất độc hại hoặc các vật khác đã đưa lên thửa đất của người khác hoặc thửa đất của mình gây cản trở hoặc thiệt hại cho việc sử dụng đất của người khác. Buộc san lấp diện tích đất đã đào bới, tháo dỡ các công trình xây dựng đồng thời buộc thực hiện cải tạo đất tương đương

chất lượng thửa đất ban đầu hoặc các thửa đất liền kề có cùng mục đích sử dụng. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm xác nhận bằng văn bản tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành và các cơ quan, đơn vị có liên quan hướng dẫn tổ chức thực hiện Quy định này. Đồng thời định kỳ 6 tháng, 01 năm sơ kết, đánh giá kịp thời việc triển khai quy định này để sửa đổi, bổ sung kịp thời.

2. Cơ quan quản lý nhà nước về đất đai; người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc xử phạt vi phạm hành chính theo quy định có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc Quy định này.

3. Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính thực hiện xử phạt vi phạm theo thẩm quyền. Khi ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính (*trường hợp phải áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm*) thì người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định này.

4. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có vướng mắc đề nghị các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có ý kiến bằng văn bản gửi về Ủy ban nhân dân tỉnh (*qua Sở Tài nguyên và Môi trường*) để xem xét, tổng hợp, đề xuất sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. /*TK*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Hoàng Quốc Khánh